

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 76/2001/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2001

THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số điểm của Quy chế tín dụng hỗ trợ xuất khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 133/2001/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ

Thi hành Quyết định số 133/2001/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tín dụng hỗ trợ xuất khẩu, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể một số điểm như sau:

I- QUY ĐỊNH CHUNG

I. Trong thông tư này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

- a) Đơn vị là các đối tượng quy định tại Điều 3 của Quy chế tín dụng hỗ trợ xuất khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 133/2001/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.
- b) Bảo lãnh dự thầu xuất khẩu là cam kết đảm bảo nghĩa vụ tham gia dự thầu của Nhà xuất khẩu (Bên được bảo lãnh) cho nhà mời thầu (Bên nhận bảo lãnh) bằng văn bản do Quỹ Hỗ trợ phát triển phát hành.
- c) Bảo lãnh thực hiện hợp đồng xuất khẩu là cam kết bằng văn bản do Quỹ Hỗ trợ phát triển phát hành cho Nhà nhập khẩu (Bên nhận bảo lãnh) cam kết bảo đảm việc thực hiện các nghĩa vụ của Nhà xuất khẩu (Bên được bảo lãnh) với Nhà nhập khẩu.
- d) Bảo lãnh đối ứng là một hình thức bảo lãnh do Quỹ Hỗ trợ phát triển phát hành cho một tổ chức tín dụng về việc đề nghị tổ chức tín dụng thực hiện bảo lãnh cho nghĩa vụ của các đơn vị thuộc đối tượng bảo lãnh dự thầu hoặc bảo lãnh thực hiện hợp đồng xuất khẩu của Quỹ Hỗ trợ phát triển. Trường hợp phát sinh các nghĩa vụ

bảo lãnh mà tổ chức tín dụng phải thực hiện thì Quỹ Hỗ trợ phát triển phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối ứng cho tổ chức tín dụng.

e) Hợp đồng bảo lãnh là văn bản thỏa thuận giữa Quỹ Hỗ trợ phát triển với Bên được bảo lãnh về quyền lợi và nghĩa vụ của các bên trong việc bảo lãnh và hoàn trả.

f) Tổ chức tín dụng là các tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Quỹ Hỗ trợ phát triển được huy động vốn trung và dài hạn; được ngân sách Nhà nước cấp vốn điều lệ, vốn hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, bù chênh lệch lãi suất theo kế hoạch của Nhà nước, để thực hiện nhiệm vụ tín dụng hỗ trợ xuất khẩu.

II- CHO VAY ĐẦU TƯ TRUNG VÀ DÀI HẠN

I. Đối tượng cho vay

Thực hiện theo quy định tại Điều 6, Quy chế tín dụng hỗ trợ xuất khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 133/2001/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Trường hợp doanh nghiệp Việt Nam vay góp vốn liên doanh với nước ngoài để sản xuất, chế biến, gia công hàng xuất khẩu phải đảm bảo hai yêu cầu sau:

- Dự án liên doanh phải được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đầu tư theo quy định của pháp luật.
- Phương án tiêu thụ sản phẩm của dự án liên doanh đạt kim ngạch xuất khẩu ít nhất bằng 80% doanh thu hàng năm.

2. Mức vốn cho vay.

Thực hiện theo quy định tại Điều 8, Quy chế tín dụng hỗ trợ xuất khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 133/2001/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Trường hợp vay góp vốn liên doanh, mức vốn cho vay tối đa bằng 90% phần vốn góp của doanh nghiệp Việt Nam được ghi trong giấy phép đầu tư.

3. Tài sản đảm bảo tiền vay

Thực hiện theo quy định tại Điều 12, Quy chế tín dụng hỗ trợ xuất khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 133/2001/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2001 của Thủ

tướng Chính phủ.

Trường hợp vay góp vốn liên doanh, đơn vị phải có tài sản thế chấp hoặc cầm cố trị giá tối thiểu bằng 30% số vốn vay.

III- HỖ TRỢ LÃI SUẤT SAU ĐẦU TƯ

1. Đối tượng được hỗ trợ lãi suất sau đầu tư

Thực hiện theo quy định tại Điều 13, Quy chế tín dụng hỗ trợ xuất khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 133/2001/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Nguyên tắc xác định hỗ trợ lãi suất sau đầu tư

- Mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho các dự án được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa lãi suất vay vốn của tổ chức tín dụng với lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước theo nguyên tắc sau:

+ áp dụng chung cho cả các dự án vay vốn bằng nội tệ và dự án vay vốn bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng.

+ Chênh lệch lãi suất để tính mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư tối đa bằng 50% lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

- Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư được cấp cho chủ đầu tư sau khi dự án (công trình, hạng mục công trình, dự án) đầu tư đã hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng và chủ đầu tư đã trả nợ vay (gốc, lãi) cho tổ chức tín dụng.

- Các khoản nợ quá hạn, nợ phải trả trong thời gian gia hạn nợ, đơn vị không được hỗ trợ lãi suất sau đầu tư. Những khoản vay được trả trước hạn, mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư được tính theo thời hạn thực vay của khoản vốn đó.

- Các dự án khoan nợ thì thời gian khoan nợ không được tính vào thời hạn thực vay để tính hỗ trợ lãi suất sau đầu tư và thời hạn hỗ trợ tối đa bằng thời hạn vay ghi trong hợp đồng tín dụng.

3. Xác định mức hỗ trợ LSĐT

- Mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư được xác định theo công thức.sau:

Mức hỗ trợ lãi suất	=	Số nợ gốc trong hạn	x	Lãi suất vay vốn tại	-	Lãi suất tín dụng ĐTPT	x	Thời hạn thực vay
---------------------	---	---------------------	---	----------------------	---	------------------------	---	-------------------

sau đầu tư		thực trả		thời điểm vay vốn của TCTT		tại cùng thời điểm vay vốn		của số nợ gốc được hỗ trợ LSSĐT (quy đổi theo năm)
------------	--	----------	--	----------------------------	--	----------------------------	--	--

- Thời hạn thực vay để tính hỗ trợ lãi suất sau đầu tư là khoảng thời gian từ ngày, tháng nhận nợ đến ngày, tháng nợ gốc trong hạn được trả cho tổ chức tín dụng và được xác định trên nguyên tắc sau:

+ Việc xác định thời hạn thực vay để hỗ trợ lãi suất sau đầu tư được căn cứ vào thời điểm nhận vốn vay ghi trên khế ước và thời điểm trả nợ gốc ghi trên chứng từ trả nợ của đơn vị cho tổ chức tín dụng.

+ Lấy thời điểm trả nợ kỳ đầu tiên của khoản nợ gốc trong hạn so với thời điểm giải ngân số vốn vay lần đầu để tính thời hạn thực vay của số nợ gốc trả lần đầu và trên cơ sở đó tính lùi để xác định số thời hạn thực vay của số nợ gốc trả các lần tiếp theo.

- Đối với dự án vay vốn bằng ngoại tệ, việc xác định mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với các dự án vay vốn bằng ngoại tệ được thực hiện theo nguyên tệ. Trên cơ sở đó, căn cứ vào tỷ giá giao dịch bình quân USD/VNĐ trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng hoặc tỷ giá tính chéo cho các loại ngoại tệ/VNĐ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cấp tiền hỗ trợ, để xác định mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư bằng đồng Việt Nam cho dự án.

IV- BẢO LÃNH TÍN DỤNG ĐẦU TƯ

1. Đối tượng được bảo lãnh vay vốn đầu tư

Thực hiện theo quy định tại Điều 16, Quy chế tín dụng hỗ trợ xuất khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 133/2001/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Xử lý tài chính khi chủ đầu tư không trả được nợ đúng hạn

Khi đơn vị không trả được nợ vay theo đúng hợp đồng tín dụng đã ký, tổ chức tín dụng cho vay vốn phối hợp với Quỹ Hỗ trợ phát triển và các cơ quan liên quan áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để đôn đốc thu hồi nợ từ đơn vị vay vốn hoặc cho phép đơn vị được giãn nợ theo quy định của tổ chức tín dụng.

Sau khi đã áp dụng các biện pháp thu hồi nợ, đơn vị vay vốn vẫn không có nguồn để trả nợ đúng hạn, xử lý như sau:

- Vào ngày cuối cùng của mỗi quý, tổ chức tín dụng cho vay, vốn thông báo bằng văn bản cho Quỹ Hỗ trợ phát triển về số vốn vay quá hạn phát sinh trong quý.
- Quỹ Hỗ trợ phát triển kiểm tra, trong thời hạn 15 ngày phải chuyển trả cho tổ chức tín dụng số tiền bằng 50% tính trên số vốn vay quá hạn phát sinh trong quý đó. Tổng số tiền Quỹ Hỗ trợ phát triển trả cho tổ chức tín dụng thay cho đơn vị bằng 50% tổng số nợ quá hạn của dự án phát sinh nhưng tối đa không quá 50% mức bảo lãnh đã thoả thuận trong hợp đồng bảo lãnh giữa Quỹ Hỗ trợ phát triển và đơn vị.

Trường hợp Quỹ Hỗ trợ phát triển chỉ bảo lãnh một phần vốn vay của dự án thì số tiền Quỹ Hỗ trợ phát triển trả cho tổ chức tín dụng thay cho đơn vị cũng được xác định tương ứng với tỷ lệ phần vốn được bảo lãnh trong tổng vốn đầu tư của dự án theo nguyên tắc trên.

- Đơn vị vay vốn phải nhận nợ bắt buộc với Quỹ Hỗ trợ phát triển về số tiền Quỹ Hỗ trợ phát triển trả nợ thay với lãi suất phạt bằng 130% lãi suất đang vay của tổ chức tín dụng.
- Khi có nguồn trả nợ, đơn vị trả đồng thời cho tổ chức tín dụng và Quỹ Hỗ trợ phát triển theo tỷ lệ ngang nhau (50:50).
- Tài sản hình thành sau đầu tư do tổ chức tín dụng quản lý. Trường hợp phải xử lý tài sản hình thành sau đầu tư để trả nợ quá hạn, nguồn xử lý tài sản cũng được trả cho tổ chức tín dụng và Quỹ Hỗ trợ phát triển theo tỷ lệ ngang nhau (50:50).

V. CHO VAY NGẮN HẠN

1. Đối tượng cho vay

- Thực hiện theo quy định tại tài khoản I, khoản 2, Điều 21, Quy chế tín dụng hỗ trợ xuất khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 133/2001/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm